

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2026/HS-PT

Ngày 15- 7 -2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thuỷ, ông Bàn Văn Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên
tòa:** bà Nguyễn Thuý Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 33/2026/TLPT-HS ngày 04/5/2026 đối với bị cáo Vi Nam D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2026/HS-ST, ngày 27/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Bị cáo có kháng cáo: Vi Nam D, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1984 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã Đ, tỉnh Tuyên Quang); nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Q, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Điều tra viên, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp hiện nay: Lao động tự do; căn cước công dân số: 002084007347, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 20/7/2024; chức vụ Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Đ (đã bị khai trừ theo Quyết định số: 02-QĐ/UBKTTU ngày 03/10/2025 của Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy T3); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Hữu T, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953; vợ: Phúc Thị G, sinh năm 1985; con: Có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2025 đến ngày 20/10/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn (áp dụng biện pháp bảo lãnh), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Nam Dững là Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang (cũ), được phân công điều tra vụ án Trần Đức T1 phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”. Quá trình làm việc, T1 khai có 02 tiền án đã được xóa án tích. Ngày 01/10/2024, D cùng với Hoàng Hữu T2 là cán bộ điều tra đến Công an xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang) đề

xác minh lý lịch của Trần Đức T1, được ông Nông Văn B - Phó Trưởng Công an xã cung cấp: Trần Đức T1 có 02 tiền án về hành vi “*Chứa mại dâm*” và “*Tàng trữ vật liệu nổ*” vào năm 2004, đã được xóa án tích. D trực tiếp soạn thảo Biên bản xác minh in ra giấy A4 rồi D cùng ông B ký, đóng dấu Công an xã T vào biên bản. Sau đó, D nhờ ông B ký, đóng dấu Công an xã T vào Lý lịch bị can Trần Đức T1 nhưng để trống nội dung. Do đã có biên bản xác minh thể hiện đầy đủ thông tin của Trần Đức T1 nên ông B đồng ý ký và đóng dấu trước vào Lý lịch bị can Trần Đức T1. Cùng ngày, D bảo T2 ký vào Biên bản xác minh tại mục Cán bộ lập biên bản. Tối ngày 01/10/2024, tại phòng làm việc của Đội điều tra tổng hợp Công an huyện Q, D đã làm giả Biên bản xác minh lý lịch thể hiện T1 chưa có tiền án, tiền sự bằng cách tự soạn thảo 01 văn bản giống tờ thứ 2 của Biên bản xác minh với nội dung: “*Trần Đức T1 là người có nhân thân, lai lịch như trên, bản thân T1 luôn chấp hành nghiêm đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như quy định tại địa phương*” in ra giấy A4. Sau đó, D dùng kéo cắt ngang tờ thứ 2 của Biên bản xác minh gốc (*phần có chữ ký của Điều tra viên Vi Nam D, Cán bộ lập biên bản Hoàng Hữu T2, ông Nông Văn B và con dấu của Công an xã T*) đặt lên trên văn bản D tự soạn thảo rồi đưa vào máy phô tô màu của Tổ kỹ thuật hình sự thuộc Đội điều tra tổng hợp in ra 01 bản giấy A4 có đầy đủ chữ ký, con dấu và nội dung trên kẹp cùng tờ số 1 rồi đưa vào hồ sơ vụ án. Ngay sau đó, D đã tiêu hủy tờ thứ 2 của bản gốc Biên bản xác minh lý lịch ngày 01/10/2024 tại Công an xã T thể hiện T1 có tiền án.

Ngày 04/10/2024, D viết vào tờ Lý lịch bị can Trần Đức T1 đã được ông Nông Văn B ký tên, đóng dấu Công an xã trước đó với nội dung T1 không có tiền án, tiền sự đưa vào hồ sơ vụ án.

Ngày 08/10/2024, D nhận được Thông báo số: 18474/PV06 về kết quả tra cứu tiền án, tiền sự của Trần Đức T1 do Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh T gửi thể hiện: “*T1 đã có 02 tiền án về các tội Trộm cắp tài sản; Chứa mại dâm; Mua bán vật liệu nổ và 01 tiền sự về hành vi Đánh bạc*” có chữ ký của cán bộ tra cứu Hoàng Thị H, Phó Trưởng phòng PV06 Nguyễn Thị Thu H1 và con dấu Phòng PV06 Công an tỉnh T. Bằng phương thức, thủ đoạn tương tự, D tiếp tục làm giả Thông báo trên với nội dung tại phần Kết quả tra cứu thể hiện: “*Hệ thống cơ sở dữ liệu hồ sơ An ninh hiện không có thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu hồ sơ Cảnh sát hiện không có thông tin*” đưa vào hồ sơ vụ án. Thực hiện xong, D đã tiêu hủy tờ gốc Thông báo số: 18474/PV06 ngày 08/10/2024 của Phòng PV06 Công an tỉnh T.

Ngày 21/10/2024, Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh H ban hành Công văn số: 778767 trả lời trích lục tiền án, tiền sự của Trần Đức T1 thể hiện: T1 có 02 tiền án, 01 tiền sự. Ngay sau khi nhận được Công văn, D đã tiêu hủy, không đưa vào hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ban hành Kết luận điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình ban hành Cáo trạng và ngày 05/3/2025, Toà án nhân dân huyện Quang Bình xét xử vụ án đều căn cứ vào các tài liệu do D làm sai lệch xác định T1 không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191 BLHS; điểm i, s

khoản 1 Điều 51 BLHS, tuyên phạt Trần Đức T1 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, ngày 20/8/2025 Vi Nam D đã xin đầu thú tại Cơ quan điều tra V và khai nhận toàn bộ nội dung hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngày 22/8/2025, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 66/QĐ-VKSTC-C1(P7) trưng cầu Phòng K1, Bộ Q giám định chữ ký, con dấu đối với các tài liệu Vi Nam D làm sai lệch.

Ngày 27/8/2025, Phòng K1, Bộ Q ban hành Kết luận giá định số: 217/KL-GĐKTHS(P11), kết luận:

- Chữ ký mang tên “*Nông Văn B*”, “*Vi Nam D*”, “*Hoàng Hữu T2*” và hình dấu mang tên “*CÔNG AN XÃ THÁI HÒA * CÔNG AN HUYỆN HÀM YÊN - T.TUYÊN QUANG*” trên Biên bản xác minh đề ngày 01/10/2024 (ký hiệu A1) không được hình thành bằng phương pháp ký, đóng dấu trực tiếp, được hình thành bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu mang tên “*CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA * CÔNG AN HUYỆN QUANG BÌNH - T.HÀ GIANG*” trên Biên bản xác minh đề ngày 01/10/2024 (ký hiệu A1) được hình thành bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp.

- Hình dấu giáp lai tại lề bên phải Biên bản xác minh đề ngày 01/10/2024 (ký hiệu A1) không được hình thành bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp trong cùng một lần đóng, mảnh ghép giáp lai tại lề phải trang 1 được hình thành bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp; mảnh ghép giáp lai tại lề phải trang 3 được hình thành bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên “*Hoàng Thị H*”, “*Nguyễn Thị Thu H2*” và hình dấu mang tên “*PHÒNG HỒ SƠ NGHIỆP VỤ * CÔNG AN TỈNH TUYÊN QUANG*” trên Thông báo số: 18474/PV06 đề ngày 08/10/2024 (ký hiệu A2) không được hình thành bằng phương pháp ký, đóng dấu trực tiếp, được hình thành bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên “*Nông Văn B*” cần giám định dưới mục “*Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền*” trên Lý lịch bị can đề ngày 04/10/2024 (ký hiệu A3) với chữ ký mẫu so sánh của *Nông Văn B* trên tài liệu ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu mang tên “*CÔNG AN XÃ THÁI HÒA * CÔNG AN HUYỆN HÀM YÊN - T. TUYÊN QUANG*” dưới mục “*Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền*” trên Lý lịch bị can đề ngày 04/10/2024 (ký hiệu A3) được hình thành bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp.

- Chữ viết ghi “*không*” tại mục “*Tiền án, tiền sự*” ở trang 1 và chữ ký, chữ viết dưới mục “*Người lập*” ở trang 4 trên Lý lịch bị can đề ngày 04/10/2024 (ký hiệu A3) với chữ viết, chữ ký mẫu so sánh của *Vi Nam D* trên tài liệu ký hiệu M2, M3 là do cùng một người viết, ký ra.

Ngày 25/8/2025, Cơ quan điều tra VKSND tối cao có Công văn số 2499/VKSTC-C1(P7) đề nghị VKSND tỉnh Tuyên Quang kháng nghị theo thẩm quyền đối với Bản án sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST ngày 05/3/2025 của TAND

huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (cũ). Ngày 26/9/2025, VKSND tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số: 01/QĐ-VKS-P7 về việc kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST ngày 05/3/2025 của TAND huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (nay là TAND khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang) đề nghị xét xử theo thủ tục tái thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 2498/CT-VKSTC-V6, ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố bị cáo Vi Nam D về tội “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 375 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2026/HS-ST, ngày 27/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 375; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 41, Điều 50, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Nam D phạm tội “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*”.

- Về Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vi Nam D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hình phạt tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2025 đến ngày 20/10/2025.

Căn cứ khoản 5 Điều 121 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với bị cáo để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn bảo lãnh đối với bị cáo Vi Nam D kể từ ngày tuyên án cho đến khi bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Vi Nam D làm công việc liên quan đến giải quyết vụ án, trợ giúp, tư vấn pháp luật trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 02/4/2026, bị cáo Vi Nam D kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác định nội dung kháng cáo là xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung kháng cáo: Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Vi Nam D để xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là đúng người, đúng tội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại các điểm v, t

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm 13/2026/HS-ST, ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang:

+ Áp dụng điểm b khoản 2, 4 Điều 375; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 41, Điều 50, Điều 54; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Vi Nam D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, về tội “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*”. Thời gian thử thách 03 năm, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Cấm bị cáo làm công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động tố tụng, giải quyết vụ án, vụ việc của cơ quan tiến hành tố tụng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vi Nam D cho UBND xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Căn cứ Điều 121; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tại Quyết định cho bảo lãnh số 01/2026/HSST- QĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang đối với bị cáo Vi Nam D.

+ Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Vi Nam D không có ý kiến tham gia tranh luận và khi được nói lời sau cùng, bị cáo tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bản thân có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vi Nam D là Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang (cũ), được phân công điều tra vụ án Trần Đức T1 phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*”. Quá trình điều tra vụ án, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao, trong thời gian từ ngày 01/10/2024 đến ngày 21/10/2024, D đã làm giả biên bản xác minh lý lịch, thông báo kết quả tra cứu tiền án, tiền sự, ghi sai nội dung lý lịch Trần Đức T1 từ nội dung có 02 tiền án về tội “*Chứa mại dâm*” và “*Tàng trữ vật liệu nổ*” thành không có tiền án, tiền sự; hủy Thông báo, công văn kết quả tra cứu tiền án, tiền sự đối với Trần

Đức T1 dẫn đến kết quả giải quyết vụ án tại các Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Q, tỉnh Hà Giang (cũ) bị sai lệch.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Vi Nam D.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để làm rõ vụ án; quá trình công tác đạt thành tích xuất sắc, được tặng thưởng Huy chương hạng Nhì, hạng Ba, Giấy khen của ngành Công an nhân dân) theo quy định tại các điểm s, t, v khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ khác (bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng; vợ bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen của ngành giáo dục; bị cáo đầu thú, là người dân tộc thiểu số) theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự) với mức án 01 năm 06 tháng tù về tội “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*” và áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo làm công việc nhất định trong thời hạn 01 (một) năm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, phù hợp với nhân thân, mức độ phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm các tài liệu mới đó là: Bản sao có chứng thực Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất do chủ tịch nước tặng cho bị cáo; Công văn số 238/CAX, ngày 03/4/2026 của Công an xã Q, tỉnh Tuyên Quang đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo do bị cáo đã cung cấp thông tin 02 vụ việc vi phạm pháp luật (có tài liệu kèm theo); Giấy xác nhận ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão số 10 gây ra số 01-GXN ngày 02/10/2015 của BCH tỉnh đoàn T4, thể hiện bị cáo ủng hộ 10.000.000 đồng; Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú, xin cho bị cáo được hưởng án treo; biên lai thu tiền số 0000178 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang thể hiện bị cáo đã tự nguyện chấp hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm (thuộc trường hợp quy định tại các điểm v, t khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Vi Nam D có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 13/2026/HS-ST, ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang đối với bị cáo Vi Nam D cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Trước khi phạm tội bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực tố tụng nên xét thấy cần áp dụng khoản 4 Điều 375; Điều 41 Bộ luật hình sự để cấm bị cáo làm công việc nhất định trong một thời gian nhằm tăng cường, củng cố tác dụng của hình phạt chính và ngăn chặn bị cáo tiếp tục tham gia các hoạt động có thể ảnh hưởng đến hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, cách tuyên hình phạt bổ sung của cấp sơ thẩm chưa sát với hành vi phạm tội (làm sai lệch hồ sơ vụ án) cũng như mục đích phòng ngừa của hình phạt bổ sung và do HĐXX phúc

thẩm cho bị cáo được hưởng án treo nên cần sửa lại cách tuyên của hình phạt bổ sung cho phù hợp.

[5]. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là “Bảo lĩnh”, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự, HĐXX hủy bỏ biện pháp bảo lĩnh do bị cáo được Tòa án áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

[6]. Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vi Nam D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Nam D, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 13/2026/HS-ST, ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang như sau:

1. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 375; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38, Điều 65, Điều 41 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Nam D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*”; thời gian thử thách 03 (ba) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 15 tháng 7 năm 2026).

Giao bị cáo Vi Nam D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tuyên Quang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm bị cáo làm công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động tố tụng, giải quyết vụ án, vụ việc của cơ quan tiến hành tố tụng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ Điều 121; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tại Quyết định cho bảo lĩnh số 01/2026/HSST- QĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang đối với bị cáo Vi Nam D.

3. Ghi nhận bị cáo đã thi hành xong khoản tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000178, ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 7 năm 2026)/.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1 TAND tối cao;
- VKSND tối cao (Vụ 7);
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV CA tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- UBND xã Đồng Yên, tỉnh Tuyên Quang;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Tuyết Mai